

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 476/2024/DSPT

Ngày: 18 - 11 - 2024

V/v “tranh chấp mở lối đi”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan

Các Thẩm phán: Bà Hồ Thị Tuyết Phương;

Bà Phan Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Ông Lâm Thành Them - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 18 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2024/TLPT- DS ngày 01 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp mở lối đi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 33/2024/DS - ST ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ bị các nguyên đơn kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 432/2024/QĐPT-DS ngày 22 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1964;

1.2 Bà Phan Thị X, sinh năm 1967;

Cùng địa chỉ: Số nhà A, tổ H, khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Ông Bùi Nhật M, sinh năm 1982; địa chỉ: Số nhà A, tổ H, khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

1. Ông Trần Ngọc P, sinh năm: 1977; địa chỉ: 5 đường B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. Bà Lê Thị Diễm P1, sinh năm: 1986; địa chỉ: Số nhà A, tổ H, khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

3. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Thành L, bà Phan Thị X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19.12.2022 và lời trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Thành L, bà Phan Thị X trong quá trình giải quyết vụ án:

Nguyên trước năm 1975, bà Nguyễn Thị N là cô ruột của ông L có cho cha ông L là Nguyễn Văn H phần diện tích đất 1360m² thuộc thửa đất số 525, tờ bản đồ số 01 (nay là thửa số 38, tờ bản đồ số 5) đất tọa lạc khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. Sau khi ông H chết, ông L được thừa kế quyền sử dụng phần đất thửa 38 cho đến nay. Từ lộ giao thông để đi đến thửa đất 38, ông L và bà X phải đi qua con đường dài 39,4m x ngang 1m thuộc thửa đất số 520, tờ bản đồ số 1 trước đây do bà Nguyễn Thị N làm chủ sử dụng, đây là con đường duy nhất được dùng đi chung cho các hộ dân xung quanh gồm: ông Nguyễn Thành L, ông Lê Văn T, ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Thành V, bà Bùi Thị Thu E và ông Bùi Nhựt M. Sau khi bà N chết thì giao đất lại cho hai người con ruột là bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị N1. Bà N1 có chồng là ông Bùi Văn M1 và con là Bùi Nhựt M. Vào ngày 08/10/2020, bà N1 tặng cho quyền sử dụng đất tại thửa 520 cho ông M. Sau khi bà N1 chết thì ông M1, ông M đã ngăn cản không cho ông L, bà X sử dụng lối đi nên ông, bà không thể đi đến thửa 38 canh tác làm ảnh hưởng quyền lợi của ông bà, vì ông bà không còn đường đi nào khác. Nay nguyên đơn yêu cầu mở lối đi phần diện tích đất qua đo đạc thực tế có chiều ngang 1m x dài 39,2m và 39m = 38,4m² thuộc thửa đất số 520¹, tờ bản đồ 01, loại đất CLN được Sở T2 cấp ngày 17/4/2019 cho bà Nguyễn Thị N1 đứng tên, được chỉnh lý trang 03 vào ngày 08/10/2020 tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Bùi Nhựt M đứng tên. Nếu đồng ý hòa giải ông bà đồng ý hoàn lại giá trị tương đương với diện tích đất mở lối đi là 20.000.000 đồng, còn nếu Tòa án xét xử thì ông bà hoàn lại giá trị theo giá mà Tòa án quyết định.

- Lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Bùi Nhựt M là ông Trần Ngọc P trong quá trình giải quyết vụ án:

Ông Bùi Nhựt M là chủ sử dụng thửa đất số 520, tờ bản đồ 01, loại đất CLN được Sở T2 cấp ngày 17/4/2019 cho bà Nguyễn Thị N1 đứng tên, được chỉnh lý trang 03 vào ngày 08/10/2020 tặng cho quyền sử dụng đất cho ông M. Bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bởi các lý do sau: Thứ nhất, phần lối đi nằm trong phần đất thửa 520 của ông M, năm 2018 ông M đã làm hàng rào để bảo vệ vườn cây ăn trái từ đó đến nay các đương sự không tranh chấp. Thứ hai, ngoài lối đi nguyên đơn đang tranh chấp thì nguyên đơn vẫn còn con đường đi khác nên khi bị đơn không cho đi thì nguyên đơn và các hộ khác vẫn sinh hoạt bình thường. Từ khi ông M rào đất lại thì đất của nguyên đơn và những người khác không có ai bỏ hoang đất hoặc bỏ trống, khoảng cách từ đất ông L đến đất của ông M cách nhau đến mấy thửa đất của nhiều chủ khác nhau. Ngoài ra, hiện tại nguyên đơn đã mua đường đi khác phục vụ cho việc sản xuất đất nông nghiệp cho nên bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến.

- Lời trình bày bị đơn ông Bùi Nhựt M trong quá trình giải quyết vụ án:

Giữa gia đình ông và gia đình ông L đã xuất hiện mâu thuẫn từ nhiều năm nay từ những việc nhỏ trong cuộc sống, việc tranh chấp lối đi là đỉnh điểm của mâu

thuần, đôi bên nhiều lần cự cãi. Vì vậy, trường hợp ông L kiên quyết muốn mở lối đi thì ông không thể nào đi chung được cho nên ông đồng ý chuyển nhượng toàn bộ diện tích thửa 520 cho ông L, còn nếu ông L không nhận chuyển nhượng toàn bộ thì ông không đồng ý mở lối đi vì các bên đã quá mâu thuẫn, ông muốn đất của ai nấy sử dụng không liên quan, tranh cự cãi gây mất trật tự.

- Lời trình bày người làm chứng bà Nguyễn Thị S trong quá trình giải quyết vụ án:

Phần đất tranh chấp tại thửa số 520 là của chị bà tên Nguyễn Thị M2 sử dụng trước năm 1990. Sau đó bà M2 bán đất cho ông Bùi Văn M1. Đến năm 2020 thì ông M1 tặng cho lại con ruột là ông Bùi Nhựt M. Con đường đi chung có chiều ngang khoảng 0,5m làm con đường đi ra ruộng, vườn phía sau từ thời trước bà M2 (trước năm 1990). Từ lộ đến giáp ranh với thửa đất 520 là thửa 519 của bà, bà cho mọi người đi nhờ ra phía sau. Hiện tại, có các hộ đi nhờ làm lúa, trồng mận như ông Nguyễn Thành L, ông Bùi Nhựt M, ông Lê Văn T, ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Thanh V1 và bà Bùi Thị Thu E. Qua yêu cầu khởi kiện của ông L, bà X đối với ông M thì bà không có ý kiến vì đất tranh chấp của ông M, còn đất của bà thì bà cho mọi người đi nhờ. Ngoài ra, do bà lớn tuổi nên xin được vắng mặt tại các lần Tòa án triệu tập hòa giải, xét xử các cấp.

- Lời trình bày người làm chứng ông Lê Văn T trong quá trình giải quyết vụ án:

Ông Lê Văn T là hộ tứ cận với thửa đất 520 của bị đơn ông Bùi Nhựt M. Ông đồng ý cho vợ chồng ông Nguyễn Thành L đi nhờ qua phần đất của ông, để ông L và bà X có thể đi ra phần đất của ông bà ở phía sau. Đối với việc ông M có cho ông L, bà X đi nhờ hay không thì ông không có ý kiến.

Quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án tiến hành xem xét đo đạc thẩm định tại chỗ xác định phần đất tranh chấp có tổng diện tích 38,4m², loại đất CLN thể hiện tại Bản trích đo địa chính số 86/TTKTTNMT ngày 26.01.2024 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên Môi trường thành phố C.

Nguyên đơn thống nhất sử dụng Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ 28.6.2023 và Biên bản định giá ngày 28.6.2023 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt để giải quyết vụ án. Bị đơn không thống nhất Biên bản định giá ngày 28.6.2023 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt.

Sau khi thụ lý Tòa án đã tiến hành hòa giải động viên nhiều lần nhưng các đương sự vẫn không thỏa thuận được cách thức giải quyết vụ án nên được đưa ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 33/2024/DS - ST ngày 31/5/2024 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành L, bà Phan Thị X về việc mở lối đi phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích 38,4m², thuộc thửa đất số 520¹, tờ bản đồ 01, loại đất CLN được Sở T2 cấp ngày

17/4/2019 cho bà Nguyễn Thị N1 đứng tên, được chỉnh lý trang 03 vào ngày 08/10/2020 tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Bùi Nhật M đứng tên.

2. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Thành L, bà Phan Thị X phải chịu số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định, định giá phần đất tranh chấp nhưng khấu trừ số tiền nguyên đơn đã nộp tạm ứng là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng). Công nhận nguyên đơn đã nộp xong.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 10/6/2024 ông Nguyễn Thanh L1 và bà Phan Thị X có đơn kháng cáo. Theo nội dung đơn kháng cáo, ông L1, bà X cùng yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không cung cấp chứng cứ mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm Chủ tọa, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

- Về hình thức kháng cáo: vụ án được xét xử ngày 31/5/2024, đến ngày 10/6/2024 nguyên đơn kháng cáo. Như vậy, kháng cáo trong thời hạn luật định nên hợp lệ về mặt hình thức.

- Về nội dung kháng cáo, nhận thấy:

Căn cứ Điều 254 Bộ luật Dân sự quy định quyền về lối đi qua:

“1. Chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ.

Lối đi được mở trên bất động sản liền kề nào mà được coi là thuận tiện và hợp lý nhất, có tính đến đặc điểm cụ thể của địa điểm, lợi ích của bất động sản bị vây bọc và thiệt hại gây ra là ít nhất cho bất động sản có mở lối đi.

Chủ sở hữu bất động sản hưởng quyền về lối đi qua phải đền bù cho chủ sở

hữu bất động sản chịu hưởng quyền, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2. Vị trí, giới hạn chiều dài, chiều rộng, chiều cao của lối đi do các bên thỏa thuận, bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại và ít gây phiền hà cho các bên; nếu có tranh chấp về lối đi thì có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác xác định.

3. Trường hợp bất động sản được chia thành nhiều phần cho các chủ sở hữu, chủ sử dụng khác nhau thì khi chia phải dành lối đi cần thiết cho người phía trong theo quy định tại khoản 2 Điều này mà không có đền bù”.

Theo quy định này, điều kiện được mở lối đi là bất động sản bị vây bọc bởi một hoặc nhiều bất động sản xung quanh, không có bất cứ lối đi nào nên không thể trực tiếp thông thương với đường công cộng, dẫn đến việc khai thác và sử dụng bất động sản bị hạn chế.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xác định đã mua lối đi của bà X1 và ông P2, cần mở lối đi để khi thủy triều rút có thể đi đường bộ ra vườn, khi thu hoạch nông sản thì vận chuyển bằng đường sông chứ không thể đi đường bộ, ngoài lối đi đang tranh chấp thì hiện nay còn có 05 lối đi khác để dẫn vào đất của nguyên đơn và không tranh chấp, hiện tại nguyên đơn vẫn sử dụng những lối đi khác, nguyên đơn và ông T không phát sinh chấp nên ông T vẫn cho đi trên đất của ông T.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 08/12/2023 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, ông T xác định, ông đồng ý cho vợ chồng nguyên đơn đi nhờ qua phần đất của ông để canh tác. Tại biên bản ghi lời khai ngày 13/4/2023 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, bà S xác định, bà cho mọi người đi nhờ ra phía sau, trong đó có nguyên đơn. Tại biên bản xác minh ngày 25/4/2023 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, chính quyền địa phương xác định, ngoài con đường này thì còn có các con đường khác để đi ra thửa đất của nguyên đơn.

Như vậy, căn cứ lời trình bày của các đương sự và kết quả xác minh tại địa phương, có cơ sở để xác định, lối đi đang tranh chấp không phải là lối đi duy nhất để nguyên đơn lưu thông đến đường công cộng, nguyên đơn vẫn còn lối khác dẫn đến thửa đất của nguyên đơn, đảm bảo cho việc khai thác và sử dụng thửa đất của nguyên đơn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án số 33/2024/DS-ST ngày 31/5/2024 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, theo đơn kháng cáo và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa xác định: Nguyên đơn ông L1, bà X cùng yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn

bộ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, cụ thể yêu cầu bị đơn mở lối đi có chiều ngang 01m, chiều dài 39m;

[2] Nhận thấy, theo quy định tại Điều 254 của bộ luật dân sự năm 2015 thì “Chủ sở hữu bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ” và “lối đi được mở trên bất động sản liền kề nào mà được coi là thuận tiện và hợp lý nhất”. Như vậy, để xem xét yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn cần xem xét lối đi yêu cầu mở có phải là lối đi duy nhất, thuận tiện và hợp lý nhất hay không.

[2.1] Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ như Biên bản xác minh ngày 25.4.2023 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt (BL141), thì ngoài lối đi đang tranh chấp thì còn hai lối đi khác dẫn vào đất của nguyên đơn cụ thể là lối đi hướng từ Rạch Xẻo S1 và lối đi hướng từ Chùa L2 (BL141). Ngoài ra, tại Biên bản hòa giải ngày 27.02.2024 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt thì nguyên đơn xác định “...có mua một lối đi của bà Nguyễn Thị Kim X1 và ông Nguyễn Văn P2 ngang 3,3m x dài 42m không biết thửa đất, mua đất bằng giấy tay để làm lối đi ra rạch cho gần nhưng vẫn đi đường sông rạch...” (BL144, 145). Qua đó cho thấy, có nhiều lối đi khác nhau từ đường công cộng dẫn vào phần đất của nguyên đơn, lối đi qua phần đất của bị đơn không phải là lối đi duy nhất;

[2.2] Xét mức độ thuận tiện và hợp lý của các lối đi Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ đường công cộng dẫn vào đất của nguyên đơn, thì các lối đi đều nhỏ hẹp nên chỉ đi bộ. Lối đi thuận lợi nhất để đi vào đất nguyên đơn là đường sông. Mặt khác, đất của bị đơn là loại đất trồng lúa và nguyên đơn cũng trình bày mục đích mở lối đi đường bộ ra đất khi thủy triều rút, còn những vật nặng như vật liệu xây dựng hay khi thu hoạch cây trái thì phải đi đường sông rạch chứ không thể đi đường bộ và đi đường sông sẽ thuận lợi hơn (BL144, 145). Hơn nữa căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và lời trình bày của các bên thì vị trí mở lối đi nguyên đơn yêu cầu sẽ chia phần đất của bị đơn thành hai phần, điều này gây khó khăn trong quá trình sử dụng đất của bị đơn và từ đường giao thông vào đất của nguyên đơn phải qua nhiều thửa đất của nhiều chủ sử dụng khác như thửa 519, thửa 523, thửa 524 không phải đi qua duy nhất thửa đất của bị đơn. Do đó, để có lối đi từ lộ vào đất của nguyên đơn còn phụ thuộc vào các chủ sử dụng khác nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn mở lối đi thì việc mở lối đi này cũng không hợp lý và hiệu quả để sử dụng. Qua đó, cho thấy, lối đi bằng đường sông là lối đi thuận lợi nhất và là lối đi chính, phục vụ cho việc sử dụng đất của nguyên đơn. Nguyên đơn cũng thừa nhận đã chuyển nhượng đất để mở lối đi thuận lợi đến sông. Trong khi đó, lối đi bộ chỉ đóng vai trò thứ yếu để nguyên đơn sử dụng khi thủy triều rút, trong trường hợp này nguyên đơn có thể sử dụng những lối đi bộ khác hiện không tranh chấp để đi, không nhất thiết phải sử dụng lối đi qua phần đất của bị đơn.

[2.3] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bên thừa nhận, giữa nguyên đơn và bị đơn có mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống hằng ngày.

Ngoài ra, ông Lê Văn T người cho nguyên đơn đi nhờ cũng không thể hiện quan điểm nhất quán, nhiều lần thay đổi ý kiến trong việc cho nguyên đơn sử dụng lối đi. Mặt khác, tại Biên bản hòa giải tại khu vực T thì ông Lê Văn T, ông Nguyễn Văn T1 là những người đi nhờ lối đi qua phần đất của bị đơn cũng thống nhất nếu bị đơn M không cho đi nhờ thì họ sẽ tìm lối đi khác (BL66,67) chứng tỏ việc bị đơn không mở lối đi cũng không ảnh hưởng đến họ.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 254 Bộ luật Dân sự 2015 xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu mở lối đi phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích 38,4m² thuộc thửa đất số 520¹ của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận nên Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không được chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh L1, bà Phan Thị X phải chịu 300.000 đồng. Ông L1, bà X được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng thành án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 12, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn – ông Nguyễn Thành L, bà Phan Thị X.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 33/2024/DS – ST ngày 31/5/2024 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố C.

2.1 Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành L, bà Phan Thị X về việc mở lối đi phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích 38,4m², thuộc thửa đất số 520¹, tờ bản đồ 01, loại đất CLN được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố T2 cấp ngày 17/4/2019 cho bà Nguyễn Thị N1 đứng tên, được chỉnh lý trang 03 vào ngày 08/10/2020 tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Bùi Nhựt M đứng tên.

2.2 Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Thành L, bà Phan Thị X phải chịu số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định, định giá phần đất tranh chấp nhưng khấu trừ số tiền nguyên đơn đã nộp tạm ứng là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng). Công nhận nguyên đơn đã nộp xong.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Thành L, bà Phan Thị X phải chịu án phí là 300.000 đồng án phí (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0004936 ngày 13/02/2023 tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Công nhận nguyên đơn đã nộp xong.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Thành L, bà Phan Thị X phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ông L, bà X được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005444 ngày 17/6/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP.Cần Thơ;
- TAND quận Thốt Nốt;
- Chi Cục THADS quận Thốt Nốt;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Loan